

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 03 - 2026
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi và ông Hoàng Trọng Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1983.

Căn cước công dân số: 001183037146

Nơi cư trú: **413/56/19/23 L, Khu phố B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh**.
Chị **H** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân Q**, sinh năm 1988

Căn cước công dân số: 044088007889

Nơi cư trú: **Thôn B, xã T, tỉnh Quảng Trị**. Anh **Q** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Vũ Thị H** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Xuân Q** có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã T, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm chia sẻ với nhau. Hiện nay, mỗi người một nơi, không ai quan

tâm đến ai. Nay chị **H** nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Q**.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Vũ Thị H** trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh **Nguyễn Xuân Q** trình bày:*

Anh và chị **Vũ Thị H** có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Quảng Bình** (Nay là xã **T**, tỉnh **Quảng Trị**). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã **T**. Trong quá trình chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn, lý do vợ chồng chưa cùng chung quan điểm sống với nhau, tính chất công việc đi làm xa, dẫn đến tình cảm vợ chồng không được hòa hợp nên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị **H** đã bỏ vào miền nam. Tuy nhiên, hai vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau. Việc hai vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để quay lại chung sống với nhau có thể thực hiện được. Nay chị **H** làm đơn xin ly hôn thì anh **Q** không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Nguyễn Xuân Q** trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị **Vũ Thị H** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Nội dung đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Xuân Q**. Đối với bị đơn anh **Nguyễn Xuân Q** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến tham gia phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai, nhưng anh **Q** không đến tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị **Vũ Thị H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Xuân Q**, cư trú tại thôn **B**, xã **T**, tỉnh **Quảng Trị**, đây là vụ án “Ly hôn”. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Vũ Thị H** vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Bị đơn anh **Nguyễn Xuân Q** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Xuân Q** có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ năm 2024 đến nay, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị **H** làm đơn ly hôn anh **Q**, mặc dù anh **Q** không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không thể hiện có sự níu kéo nào, mỗi người sống một nơi, để mặc cho chị **H** muốn làm gì thì làm. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyện vọng xin ly hôn của chị **H** là có căn cứ, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu của chị **Vũ Thị H** xin được ly hôn anh **Nguyễn Xuân Q**.

[3] Về quan hệ con chung:

Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Xuân Q** thống nhất quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Xuân Q** thống nhất không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **H** đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002392 ngày 17 tháng 12 năm 2025. Chị **Vũ Thị H** đã nộp đủ tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Xuân Q**.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Vũ Thị H**. Xử cho chị **Vũ Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Xuân Q**. Hôn nhân của chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Xuân Q** chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.
3. Về quan hệ con chung: Không có
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
5. Về án phí: Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **H** đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002392 ngày 17 tháng 12 năm 2025. Chị **Vũ Thị H** đã nộp đủ tiền án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 - Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 2 - Quảng Trị;
- UBND xã Tuyên Hóa – Quảng Trị;
- Công an xã Tuyên Hóa – Quảng Trị;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn

Nguyễn Văn Lợi Thái Thiên L

Phạm Hữu T